TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21-8-2018
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thanh Huy – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị Ngọc T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp T, xã TA, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đào Chí T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp P, xã PL, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/6/2018 và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Tô Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Đào Chí T1 kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến thường xuyên cự cãi, từ đó tình cảm vợ chồng

rạn nứt. Từ đầu năm 2016 chị đã đưa con chung về nhà gia đình cha mẹ ruột sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên đã không còn liên lạc để hàn gắng tình cảm và cũng không còn quan T1 chăm sóc đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: có 01 con chung là Đào Chí T2, sinh ngày 14/3/2015 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo bản tự khai ngày 18/6/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/6/2018 bị đơn anh Đào Chí T1 trình bày:

Thống nhất với lời trình bay của chị T về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì chỉ có phát sinh những mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp nhau hay xảy ra cự cãi, có lần nóng giận anh có đánh chị T một lần. Từ đầu năm 2018 hai bên đã sống ly thân với nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: có 01 con chung là Đào Chí T2, sinh ngày 14/3/2015 hiện đang sống với chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết để chị T và anh ly hôn thì anh đồng ý để chị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn Đào Chí T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Chị Tô Thị ngọc T và anh Đào Chí T1 là vợ chồng, có thực hiện việc đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Ba Tri nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình. Hiện nay chị T và anh T1 đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập lời khai của anh T1, anh cũng thừa

nhận anh và chị T có cự cãi với nhau và trong lần cự cãi anh có đánh chị T, hiện nay hai bên đã sống ly thân, không có hàn gắn. Mặc dù, anh T1 không muốn ly hôn nhưng tại phiên tòa anh vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện anh không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn, do đó yêu căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ. Trong thời gian chung sống chị T và anh T1 có 01 con chung tên Đào Chí T2, sinh ngày 14/3/2015 hiện đang sống với chị T, anh T1 cũng đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng nếu ly hôn, đề nghị ghi nhận. Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh T1; Con chung: giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đào Chí T2, sinh ngày 14/3/2015, ghi nhận chị T tự nguyện khôn yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đào Chí T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Tô Thị Ngọc T và anh Đào Chí T1 kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện B, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, mặc dù chị T và anh T1 không thống nhất về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và thời gian hai người sống ly thân nhưng thực tế thì mâu thuẫn đã có xảy ra và hai người hiện nay đã sống ly thân. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị T và anh T1 đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, hai bên cũng không tìm ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh T1 cũng thừa nhận trong một lần hai vợ chồng cự cãi do nóng giận anh có đánh chị T. Tòa án nhân dân huyện Ba Tri cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn nhưng cũng không có kết quả, anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và anh T1 thì vẫn vắng mặt không lý do thể hiện Tện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các thành viên trong gia đình. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của chị Tô Thị Ngọc T đối với anh Đào Chí T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống với nhau, chị T và anh T1 có 01 con chung tên Đào Chí T2, sinh ngày 14/3/2015 hiện đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và anh T1 cũng đồng ý để chị T là người được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đào Chí Tện. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đào Chí T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn chị Tô Thị Ngọc T phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị Ngọc T được ly hôn với anh Đào Chí T1.

2. Về con chung: Giao con chung Đào Chí T2, sinh ngày 14/3/2015 cho chị Tô Thị Ngọc T được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tô Thị Ngọc T không yêu cầu anh Đào Chí T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Đào Chí T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp của con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình:

Nguyên đơn chị Tô Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014608 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Chị Tô Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Chị Tô Thị Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Chí T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã PL, huyện B, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Duy Linh